



jìn lái

进来

Verb · to come in

Example Sentences

yáng guāng tòu guò chuāng hù zhào jìn lái
阳光透过窗户照进来。

Sunlight shines through the window

yáng guāng cóng chuāng lián fèng xì zhào jìn lái
阳光从窗帘缝隙照进来。

Sunlight shines through the curtain gap

qǐng bǎ mén dǔ zhù bú ràng fēng jìn lái
请把门堵住不让风进来。

Please block the door to keep the wind out

Trace each character, then write the word on your own.

进	进	进	进	进	进	进	进	进	进
来	来	来	来	来	来	来	来	来	来